

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2019/HS-ST**
Ngày 13/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ba.

Ông Hồng Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P, sinh ngày 20 tháng 02 năm 1997 tại xã Quế X, huyện S, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn T, xã Quế X, huyện S, tỉnh N; nghề nghiệp: Thợ đắp vữa; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1964 và bà Văn Thị M, sinh năm 1966; bị cáo có vợ tên Chế Thị G, sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 29/11/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "*Trộm cắp tài sản*" tại bản án số 48/2013/HSST; Ngày 28/3/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" tại bản án số 09/2014/HSST; Ngày 31/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" tại bản án số 22/2014/HSST. Bị bắt tạm giam ngày 21/12/2018. Có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Văn Thị M, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn T, xã Quế X, huyện S, tỉnh N.

Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn T, xã Quế P, huyện S, tỉnh N. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn T, xã Quế X, huyện S, tỉnh N. *Có mặt.*

+ Anh Trịnh Văn S, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn T, xã Quế P, huyện S, tỉnh N. *Có mặt.*

+ Chị Chế Thị G, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn T, xã Quế X, huyện S, tỉnh N. *Có mặt.*

+ Bà Lê Thị Phụng, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường H, thị xã T, tỉnh H. *Vắng mặt.*

+ Chị Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 128 đường H, thành phố T, tỉnh N. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/11/2018, trong lúc thu dọn quần áo của mình tại phòng trọ ở thành phố T thì bị cáo Nguyễn Văn P phát hiện chiếc chìa khóa mà cách đó ba tháng bị cáo đã cất trộm từ chiếc chìa khóa của bà Văn Thị M (*là mẹ của bị cáo*) nhằm mục đích trộm cắp tài sản của bà M tại quán nhậu M ở thôn B, xã Quế X, huyện S, tỉnh N nhưng chưa lấy được nên bị cáo đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của bà M để tiêu xài cá nhân.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo P điều khiển xe mô tô Honda Blade biển số 92G1-244.26 đi từ nhà trọ ở thành phố T, tỉnh N về quán nhậu M của bà M để trộm cắp tài sản. Khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo đến quán nhậu của mẹ mình (*quán sau khi bán xong bà M về nhà ngủ không có người trông coi*), bị cáo P dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn từ trước mở cửa, đi vào bên trong quán và bắt đầu tìm kiếm tài sản. Bị cáo đi vào phòng kho tìm kiếm nhưng không có gì nên bị cáo đi ra bếp, nơi có hộc để củi phía dưới; tại đây bị cáo kiểm tra ở hộc bếp bên phải không thấy gì, tiếp tục lục tìm hộc bếp bên trái (*trước cửa có để một cục gạch*) thì thấy bên trong có 02 bao ni lông đựng 02 cọc tiền, được buộc bằng dây su nên đã lấy trộm, sau đó bị cáo nhìn thấy ở hộc bếp có 01 bao ni lông màu vàng bên trong có nhiều cọc tiền nên đã lấy toàn bộ số tiền này. Lấy được tiền xong, bị cáo đi ra ngoài, khóa cửa lại như ban đầu rồi mở khóa bỏ toàn bộ số tiền trộm cắp được vào cốp xe mô tô 92G1-244.26 điều khiển xe quay về lại phòng trọ của mình tại thành phố T.

Ngày 04/11/2018, bà Văn Thị M phát hiện bị mất số tiền 207.500.000 đồng và khoảng một triệu đồng tiền lẻ, trong đó bà M có 32.500.000 đồng và khoảng

1.000.000 đồng tiền lẻ, còn lại số tiền 175.000.000 đồng là của chị Nguyễn Thị M (là con gái bà M) gửi bà cất giữ giùm. Bà M nghi ngờ bị cáo P lấy trộm nên đã động viên P trả lại nhưng bị cáo không thừa nhận.

Ngày 13/11/2018, bà Văn Thị M có đơn báo cáo với cơ quan Công an. Quá trình làm việc với Cơ quan Công an, bị cáo P đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Số tiền trộm cắp được bị cáo P đã dùng vào việc cá nhân như sau:

+ Ngày 02/11/2018, bị cáo P đến cửa hàng Điện máy xanh, địa chỉ: Số 540 đường P, phường A, thành phố T, tỉnh N mua hàng và thanh toán hóa đơn hết 47.676.000 đồng; mua 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade tại cửa hàng xe máy T, địa chỉ: 136 đường P, thành phố T, tỉnh N hết 43.750.000 đồng; trả nợ cho anh T (không rõ họ tên, địa chỉ) số tiền 10.000.000 đồng; mua quần áo cho bị cáo P và vợ, con, mua 01 cái ba lô màu đen hết tổng số tiền: 9.200.000 đồng.

+ Ngày 03/11/2018, bị cáo P cho bà Lê Thị P (là mẹ vợ của bị cáo P) số tiền 1.500.000 đồng và mua cho bà P 01 tivi hiệu LG 43 inch, 01 giá đỡ tivi hết 9.100.000 đồng.

+ Ngày 05/11/2018, tại một tiệm vàng ở thành phố T (không nhớ địa chỉ) bị cáo P mua 02 cái nhẫn vàng tây hết số tiền 2.400.000 đồng và 02 sợi dây chuyền vàng 9999 hết 20.000.000 đồng.

+ Ngày 08/11/2018, bị cáo P mua một bộ đồ nghề qua mạng Internet hết 950.000 đồng; mua 01 ấm nước siêu tốc, máy sấy tóc và ổ điện hết 400.000 đồng; đưa cho chị Chế Thị G (vợ của bị cáo) số tiền 3.000.000 đồng.

Số tiền còn lại bị cáo P đã tiêu xài, ăn uống, đi lại hết.

Sau khi sử dụng hết số tiền trộm cắp, bị cáo P bán các tài sản đã mua để tiếp tục lấy tiền tiêu xài, cụ thể như sau:

+ Bán xe mô tô biển số 92G1-283.33 cho chị Đoàn Thị Thu T với số tiền 35.000.000 đồng.

+ Bán điện thoại di động hiệu OPPO F9 cho một cửa hàng điện thoại di động tại Đà N (không rõ địa chỉ) với số tiền 5.000.000 đồng.

+ Bán 02 sợi dây chuyền cho một tiệm cầm đồ ở thành phố T (không rõ địa chỉ) với số tiền 16.000.000 đồng.

Số tiền có được do bán những tài sản này bị cáo P đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và

Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án tù 04 đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (21/12/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải bồi thường cho chị Đoàn Thị Thu T số tiền 35.000.000 (*Ba mươi lăm triệu*) đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy những tài sản không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 túi xách nữ màu trắng; 01 áo len nữ dài tay màu hồng; 01 áo ấm lông nữ dài tay màu trắng; 01 chiếc váy đầm màu đen; 01 áo thun nữ ngắn tay màu vàng; 01 váy đầm màu trắng đỏ; 01 áo thun màu hồng có ghi chữ barbie màu trắng; 01 áo thun nữ màu xanh, có ghi chữ YOU ONLY LIVE ONCE; 02 quần jean dài màu xanh của nữ;

- 01 áo ấm màu xanh (*loại của trẻ em*); 02 bộ đồ thun dài tay (*đồ trẻ em*); 01 bộ đồ thun ngắn tay (*đồ trẻ em*); 01 áo ngắn tay trẻ em màu đỏ có ghi chữ TOGETHER; 01 quần trẻ em màu xanh có ghi chữ TOGETHER; 01 quần trẻ em màu cam trên quần có ghi chữ BOYS, FASHION; 01 cái áo trẻ em dài tay trên áo có ghi IT ON YOU FRENDS YOU;

- 03 quần jean nam màu xanh; 01 quần jean nam màu đen; 01 áo sơ mi nam dài tay màu đen; 01 áo sơ mi nam dài tay màu trắng; 01 áo thun ngắn tay màu trắng; 01 áo thun nam ngắn tay màu đen; 01 áo sơ mi nam màu xám dài tay; 01 áo thun nam dài tay màu đen; 02 áo khoác nam dài tay màu đen (*loại có mũ*); 03 đôi giày thể thao nam màu đen; 01 ba lô màu đen có chữ Adidas; 01 mũ lưỡi trai nam màu đen;

- 01 sim điện thoại số thuê bao 0931968213; 01 sim điện thoại số thuê bao 0934727715; 01 sim điện thoại số thuê bao 0365482032.

+ Tịch thu sung công quỹ:

- 01 máy sấy tóc màu trắng - hồng có ghi chữ Philip 1200k; 01 ổ điện màu đen có 04 lỗ cắm và sợi dây điện màu đen dài 3m; 01 hộp đồ nghề bên trong có: 01 máy khoan màu xanh có chữ BOSCH, 01 cái kéo có lưỡi bằng kim loại màu cam, 01 thước cuộn màu cam, 01 cái búa cầm tay màu cam, 01 cái kìm bằng kim loại có cán bằng nhựa màu cam, 01 cái mỏ lết bằng kim loại có cán bằng nhựa màu cam, 03 cái tuốt nơ vít bằng kim loại có cán nhựa màu cam, 01 cây bút thử điện, 01 con dao cắt giấy, 06 đầu mũi khoan, 06 đầu tước nơ vít, 08 đầu mở ốc lục giác và 01 cái tay cầm bằng nhựa màu đen.

- 01 ốp lưng nhựa trong suốt; 01 cục sạc điện thoại hiệu OPPO màu trắng.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu tím.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 92G1-283.33, số khung RLHJF632XHZ255703, số máy JF63E2306998;

- 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên trong có khắc số 650;

- 01 chiếc Tivi hiệu LG, loại 43 inch, màu đen và một cái đế treo tường tivi.
- + Trả lại cho bị hại: Số tiền 2.700.000 đồng (*Bà Mươi được nhận 700.000 đồng, chị Mùng được nhận 2.000.000 đồng*).
- + Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động màu đen hiệu BUK 3000 của bị cáo Phước để đảm bảo công tác thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn P đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, số tiền trộm cắp bị cáo khai nhận là 157.700.000 đồng; còn những người bị hại Văn Thị M, Nguyễn Thị M thay đổi lời khai, xác định tài sản bị mất ngày 01/11/2018 là 160.000.000 đồng và cho rằng sau khi bị mất tiền do lo lắng, đồng thời trong quá trình buôn bán chị M có lấy tiền ra sử dụng nhưng không nói với bà M, chị M cũng không nhớ rõ số tiền còn lại nên đã làm đơn báo cáo và khai số tiền bị mất là 207.500.000 đồng và khoảng 1.000.000 đồng tiền lẻ. Bà M, chị M đều không yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn P. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Y, anh Trịnh Văn S và chị Chế Thị G không có ý kiến gì.

Bị cáo P nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị P và chị Đoàn Thị Thu T; Hội đồng xét xử xét thấy bà P và chị T đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của bà P, chị T không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 292 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà P và chị T tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 01/11/2018, bị cáo P từ thành phố T, tỉnh N dùng xe mô tô biển số 92G1-244.26 chạy về quán M (*do bà Văn Thị M - mẹ bị cáo làm chủ*) nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Khi về đến quán, lợi dụng lúc quán M đã đóng cửa không có người trông coi, bị cáo

P dùng chìa khóa đã chuẩn bị từ trước mở cửa quán, đi vào bên trong lục soát và trộm cắp được số tiền tổng cộng 157.700.000 đồng của bà M và chị M. Số tiền trộm cắp được, bị cáo P sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân. Bà M và chị M thay đổi lời khai và đều khẳng định: Số tiền bị mất trộm ngày 01/11/2018 là 160.000.000 đồng, trong đó có 32.500.000 đồng là của bà M, số tiền còn lại là của chị M và cho rằng sau khi bị mất tiền do lo lắng, đồng thời trong quá trình buôn bán chị M có lấy tiền ra sử dụng nhưng không nói với bà M, chị M cũng không nhớ rõ số tiền còn lại nên đã làm đơn báo cáo và khai số tiền bị mất là 207.500.000 đồng và khoảng 1.000.000 đồng tiền lẻ. Như vậy, việc bị cáo khai nhận trộm cắp tại quán M số tiền 157.700.000 đồng là không có cơ sở mà căn cứ vào lời khai của bà M và chị M để xác định số tiền mà bị cáo trộm cắp tại quán M vào ngày 01/11/2018 là 160.000.000 đồng. Do số tiền bị cáo P chiếm đoạt của bị hại thay đổi và định khung hình phạt quy định theo khoản khác nhẹ hơn khoản Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn đã truy tố nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu tài sản của mọi công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo P có đầy đủ năng lực để nhận thức được điều đó nhưng do lười lao động, cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lén lút chủ sở hữu chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo không có tiền án tiền sự, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, đến nay đã được xóa án tích. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hiện nay, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa nhưng nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt.

[6]. Đối với những tài sản và số tiền bị cáo P đã mua và cho bà Lê Thị P và chị Chế Thị G, bà P và chị G đều không biết bị cáo P sử dụng số tiền trộm cắp để mua nên không đặt vấn đề xử lý là thỏa đáng.

Chị Đoàn Thị Thu T là người mua xe mô tô biển số 92G1-283.33, khi mua xe chị T thấy bị cáo P có đầy đủ giấy tờ chứng minh Phước là chủ sở hữu của xe nên không biết đây là tài sản do bị cáo P dùng tiền trộm cắp để mua nên không đặt vấn đề xử lý là thỏa đáng.

Phương tiện bị cáo P dùng đi trộm cắp tài sản là xe mô tô 92G1-244.26, bị cáo P khai đã cầm và sau đó bán xe này cho tiệm cầm đồ 649 ở phường H, thành phố T, tỉnh N. Qua xác minh, hiện nay tại tiệm cầm đồ 649 không có xe mô tô 92G1-244.26 và chủ tiệm cầm đồ không nhớ là có cầm xe mô tô 92G1-244.26 hay không nên không thu giữ được; do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc chìa khóa mà bị cáo P dùng để mở cửa quán M thực hiện hành vi trộm cắp và những bao ni lông đựng tiền bị cáo P đã vứt bỏ không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, đền nay bị cáo đã bồi thường cho bà Văn Thị M 10.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị M 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là 100.000.000 đồng bà M và chị M không yêu cầu bị cáo P tiếp tục bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô AirBlade biển số 92G1-283.33, bị cáo P đã bán cho chị Đoàn Thị Thu T với giá 35.000.000 đồng, hiện nay chiếc xe đang bị tạm giữ. Xét thấy đây là tài sản bị cáo P dùng tiền trộm cắp để mua, khi bán cho chị T hai bên chưa thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật; do đó bị cáo P phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị T số tiền 35.000.000 đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần:

+ Tịch thu tiêu hủy những tài sản không còn giá trị sử dụng gồm:

- 01 túi xách nữ màu trắng; 01 áo len nữ dài tay màu hồng; 01 áo ấm lông nữ dài tay màu trắng; 01 chiếc váy đầm màu đen; 01 áo thun nữ ngắn tay màu vàng; 01 váy đầm màu trắng đỏ; 01 áo thun màu hồng có ghi chữ barbie màu trắng; 01 áo thun nữ màu xanh, có ghi chữ YOU ONLY LIVE ONCE; 02 quần jean dài màu xanh của nữ;

- 01 áo ấm màu xanh (*loại của trẻ em*); 02 bộ đồ thun dài tay (*đồ trẻ em*); 01 bộ đồ thun ngắn tay (*đồ trẻ em*); 01 áo ngắn tay trẻ em màu đỏ có ghi chữ TOGETHER; 01 quần trẻ em màu xanh có ghi chữ TOGETHER; 01 quần trẻ em màu cam trên quần có ghi chữ BOYS, FASHION; 01 cái áo trẻ em dài tay trên áo có ghi IT ON YOU FRENDS YOU;

- 03 quần jean nam màu xanh; 01 quần jean nam màu đen; 01 áo sơ mi nam dài tay màu đen; 01 áo sơ mi nam dài tay màu trắng; 01 áo thun ngắn tay màu trắng; 01 áo thun nam ngắn tay màu đen; 01 áo sơ mi nam màu xám dài tay; 01 áo thun nam dài tay màu đen; 02 áo khoác nam dài tay màu đen (*loại có mũ*); 03 đôi giày thể thao nam màu đen; 01 ba lô màu đen có chữ Adidas; 01 mũ lưỡi trai nam màu đen;

- 01 sim điện thoại số thuê bao 0931968213, số seri của sim: 8401.1805.3301.4037; 01 sim điện thoại số thuê bao 0934727715, số seri của sim: 8401.1708.3313.3700; 01 sim điện thoại số thuê bao 0365482032, số seri của sim: 8984.04800.00325.02963 và 01 ốp lưng nhựa trong suốt.

+ Tiếp tục tạm giữ các tài sản sau để đảm bảo thi hành án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 92G1-283.33, số khung RLHJF632XHZ255703, số máy JF63E2306998;

- 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên trong có khắc số 650;

- 01 chiếc Tivi hiệu LG, loại 43 inch, màu đen và một cái đế treo tường tivi;

- 01 máy sấy tóc màu trắng - hồng có ghi chữ Philip 1200k; 01 ổ điện màu đen có 04 lỗ cắm và sợi dây điện màu đen dài 3m; 01 hộp đồ nghề bên trong có: 01 máy khoan màu xanh có chữ BOSCH, 01 cái kéo có lưỡi bằng kim loại màu cam, 01 thước cuộn màu cam, 01 cái búa cầm tay màu cam, 01 cái kìm bằng kim loại có cán bằng nhựa màu cam, 01 cái mỏ lết bằng kim loại có cán bằng nhựa màu cam, 03 cái tuốt nơ vít bằng kim loại có cán nhựa màu cam, 01 cây bút thử điện, 01 con dao cắt giấy, 06 đầu mũi khoan, 06 đầu tuốc nơ vít, 08 đầu mở ốc lục giác và 01 cái tay cầm bằng nhựa màu đen;

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu BUK 3000; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím và 01 cục sạc điện thoại hiệu OPPO màu trắng;

- Số tiền 1.200.000 đồng do bị cáo Phước nộp và số tiền 1.500.000 đồng do bà Lê Thị P nộp.

Số tiền còn lại sau khi thi hành án xong được giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (21/12/2018).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Xử: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P có nghĩa vụ bồi thường cho chị Đoàn Thị Thu T 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Xử:

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 túi xách nữ màu trắng; 01 áo len nữ dài tay màu hồng; 01 áo ấm lông nữ dài tay màu trắng; 01 chiếc váy đầm màu đen; 01 áo thun nữ ngắn tay màu vàng; 01 váy đầm màu trắng đỏ; 01 áo thun màu hồng có ghi chữ barbie màu trắng; 01 áo thun nữ màu xanh, có ghi chữ YOU ONLY LIVE ONCE; 02 quần jean dài màu xanh của nữ;

- 01 áo ấm màu xanh (*loại của trẻ em*); 02 bộ đồ thun dài tay (*đồ trẻ em*); 01 bộ đồ thun ngắn tay (*đồ trẻ em*); 01 áo ngắn tay trẻ em màu đỏ có ghi chữ TOGETHER; 01 quần trẻ em màu xanh có ghi chữ TOGETHER; 01 quần trẻ em màu cam trên quần có ghi chữ BOYS, FASHION; 01 cái áo trẻ em dài tay trên áo có ghi IT ON YOU FRENED YOU;

- 03 quần jean nam màu xanh; 01 quần jean nam màu đen; 01 áo sơ mi nam dài tay màu đen; 01 áo sơ mi nam dài tay màu trắng; 01 áo thun ngắn tay màu trắng; 01 áo thun nam ngắn tay màu đen; 01 áo sơ mi nam màu xám dài tay; 01 áo thun nam dài tay màu đen; 02 áo khoác nam dài tay màu đen (*loại có mũ*); 03 đôi giày thể thao nam màu đen; 01 ba lô màu đen có chữ Adidas; 01 mũ lưỡi trai nam màu đen;

- 01 sim điện thoại số thuê bao 0931968213, số seri của sim: 8401.1805.3301.4037; 01 sim điện thoại số thuê bao 0934727715, số seri của sim: 8401.1708.3313.3700; 01 sim điện thoại số thuê bao 0365482032, số seri của sim: 8984.04800.00325.02963 và 01 ốp lưng nhựa trong suốt.

+ Tiếp tục tạm giữ các tài sản sau để đảm bảo thi hành án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, biển số 92G1-283.33, số khung RLHJF632XHZ255703, số máy JF63E2306998;

- 02 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên trong có khắc số 650;

- 01 chiếc Tivi hiệu LG, loại 43 inch, màu đen và một cái đế treo tường tivi;

- 01 máy sấy tóc màu trắng - hồng có ghi chữ Philip 1200k; 01 ổ điện màu đen có 04 lỗ cắm và sợi dây điện màu đen dài 3m; 01 hộp đồ nghề bên trong có: 01 máy khoan màu xanh có chữ BOSCH, 01 cái kéo có lưỡi bằng kim loại màu cam, 01 thước cuộn màu cam, 01 cái búa cầm tay màu cam, 01 cái kìm bằng kim loại có cán bằng nhựa màu cam, 01 cái mỏ lết bằng kim loại có cán bằng nhựa màu cam, 03 cái tuốt nơ vít bằng kim loại có cán nhựa màu cam, 01 cây bút thử điện, 01 con dao cắt giấy, 06 đầu mũi khoan, 06 đầu tước nơ vít, 08 đầu mở ốc lục giác và 01 cái tay cầm bằng nhựa màu đen;

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu BUK 3000; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu tím và 01 cục sạc điện thoại hiệu OPPO màu trắng;

- Số tiền 2.700.000 (*Hai triệu bảy trăm nghìn*) đồng.

Số tiền còn lại sau khi thi hành án xong được giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P.

(Các vật chứng này hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 13/02/2019. Riêng số tiền 2.700.000 đồng đang tạm gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Quế Sơn theo ủy nhiệm chi ngày 12/02/2019).

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/5/2019). Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng